

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142188	6	VÕ MỸ DUNG	14/10/2004	Nữ	9/1	6.75	2.75	5	0	26.25
2	142201	7	NGÔ BẢO DUY	23/02/2004	Nam	9/1	7	8.75	6.5	0	35.75
3	142232	8	NGUYỄN HOÀNG BẢO HÂN	26/08/2004	Nữ	9/1	6	3.5	4	0	23.5
4	142317	12	TRẦN GIA HUY	24/06/2004	Nam	9/1	5.5	4.75	2.75	0	21.25
5	142386	15	ĐỖ TRUNG KIÊN	13/05/2004	Nam	9/1	5.75	8.75	6	0	32.25
6	142389	15	NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/01/2004	Nam	9/1	5	6.75	4	0	24.75
7	142394	15	LƯU GIA KIẾT	10/08/2004	Nam	9/1	5	2.5	2	0	16.5
8	142438	17	BÙI PHÚC LỘC	06/06/2003	Nam	9/1	3.75	2	2	0	13.5
9	142449	17	VÕ TRẦN MINH LONG	18/09/2004	Nam	9/1	7.5	6	5	0	31
10	142450	17	NGUYỄN THÀNH LUÂN	07/07/2004	Nam	9/1	4.75	6.5	4.75	0	25.5
11	142471	18	NGUYỄN NGỌC HOÀI MINH	13/11/2004	Nam	9/1	6	2.25	4.5	0	23.25
12	142496	19	HUỖNH VÕ KIM NGÂN	13/01/2004	Nữ	9/1	7.25	9	7.5	0	38.5
13	142523	20	ÔN MINH NGHĨA	29/06/2004	Nam	9/1	7.5	2.5	3.5	0	24.5
14	142536	1	LÊ VIẾT KHÁNH NGUYỄN	26/10/2004	Nam	9/1	6.25	4.75	4.75	0	26.75
15	142564	2	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NHI	27/08/2004	Nữ	9/1	7.5	5.75	5.25	0	31.25
16	142575	2	TRƯƠNG TRƯỜNG THANH NHI	01/02/2004	Nữ	9/1	7.5	5.5	5.5	1	32.5
17	142581	3	HUỖNH NGỌC NHƯ	01/05/2004	Nữ	9/1	8	4.25	3.5	0	27.25
18	142599	3	ĐỖ TẤN PHÁT	08/07/2004	Nam	9/1	7.5	3	4.75	0	27.5
19	142617	4	VÕ PHONG	16/06/2004	Nam	9/1	5.25	3.75	5.75	0	25.75
20	142641	5	VŨ THỊ MINH PHỤNG	09/10/2004	Nữ	9/1	7.5	3	4.5	0	27
21	142654	6	NGUYỄN THU PHƯƠNG	11/01/2004	Nữ	9/1	7	4.5	4.5	0	27.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142696	8	NGUYỄN NGỌC BẢO QUỲNH	23/11/2004	Nữ	9/1	7.75	4.25	5.25	0	30.25
23	142745	10	NGUYỄN LÊ ĐỨC THÀNH	18/02/2004	Nam	9/1	4.25	6.75	3.75	0	22.75
24	142760	10	LÊ VĂN THIÊN	01/10/2004	Nam	9/1	6.75	4.5	4.5	0	27
25	142774	11	NGUYỄN VÕ MINH THÔNG	19/01/2004	Nam	9/1	5.75	5.75	4.25	0	25.75
26	142776	11	TRẦN THỊ HOÀI THU	18/05/2004	Nữ	9/1	6.5	2.5	3.5	0	22.5
27	142783	11	NGÔ MINH THƯ	02/08/2004	Nữ	9/1	6.75	3.25	4.5	0	25.75
28	142786	11	NGUYỄN KHẮC MINH THƯ	22/10/2004	Nữ	9/1	7	5.25	4.5	0	28.25
29	142816	13	PHẠM LÊ PHƯƠNG THY	03/06/2004	Nữ	9/1	6.75	6.5	6	0	32
30	142850	14	NGUYỄN PHẠM QUỐC TRÍ	17/12/2004	Nam	9/1	6.5	6.5	4.25	0	28
31	142872	15	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG TRÚC	04/08/2004	Nữ	9/1	5.25	2.25	3	0	18.75
32	142933	17	HOÀNG QUANG VINH	23/07/2004	Nam	9/1	5.5	3.25	4.5	0	23.25
33	142958	18	NGUYỄN TƯỜNG VY	09/02/2004	Nữ	9/1	7	3.75	5.5	0	28.75
34	142964	19	TRẦN BÙI KHÁNH VY	08/09/2004	Nữ	9/1	6	2.75	3	0	20.75
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142049	1	HỒ NGUYỆT AN	28/10/2004	Nữ	9/10	7.5	7.75	6.25	0	35.25
2	142126	4	PHAN THANH BÌNH	02/12/2004	Nam	9/10	7.5	7.75	6.75	0	36.25
3	142131	4	NGUYỄN HOÀNG TRUNG CHÁNH	02/01/2004	Nam	9/10	7.5	8.5	7.5	0	38.5
4	142145	5	TẶNG NGỌC LINH CHI	21/05/2004	Nữ	9/10	7.5	4.75	5.5	0	30.75
5	142147	5	NGUYỄN PHẠM BỬU CHƯỜNG	27/03/2004	Nam	9/10	7	9	8.25	0	39.5
6	142182	6	NGUYỄN GIA ĐỊNH	08/11/2004	Nam	9/10	7	8.25	6	0	34.25
7	142191	6	NGUYỄN VIỆT DŨNG	28/11/2004	Nam	9/10	6.75	4.25	5	0	27.75
8	142199	7	DƯƠNG MINH DUY	09/06/2004	Nam	9/10	5.25	3	5.25	0	24
9	142210	7	VÕ KHƯƠNG DUY	14/09/2004	Nam	9/10	5.25	6.75	2.75	0	22.75
10	142212	7	LÊ KỲ DUYÊN	19/04/2004	Nữ	9/10	6.5	4.75	5	0	27.75
11	142221	8	LÊ HỒNG TUẤN HẢI	13/12/2004	Nam	9/10	6	6.75	6.25	1	32.25
12	142237	8	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	08/05/2004	Nữ	9/10	8.25	6.5	7.75	0	38.5
13	142252	9	MAI PHẠM NÔNG HẬU	05/05/2004	Nam	9/10	6.5	4.25	6.5	0	30.25
14	142294	11	VÕ HUY HÙNG	06/11/2004	Nam	9/10	7.5	3.75	4.75	0	28.25
15	142295	11	HOÀNG NGỌC DIỄM HƯƠNG	17/12/2004	Nữ	9/10	7.5	6.5	7.75	0	37
16	142338	13	LÊ NGUYỄN KHANG	17/01/2004	Nam	9/10	7.25	6.25	6.25	0	33.25
17	142347	13	DƯƠNG NGUYỄN MAI KHANH	24/07/2004	Nữ	9/10	7.5	6.75	5.25	0	32.25
18	142371	14	TRẦN DUY KHOA	12/04/2004	Nam	9/10	8	5	5.5	0	32
19	142385	15	PHẠM TUẤN KHƯƠNG	01/12/2004	Nam	9/10	6.25	6.5	6.75	0	32.5
20	142427	16	NGUYỄN THÙY LINH	29/10/2004	Nữ	9/10	8.5	6.75	7.25	0	38.25
21	142511	20	BÙI HOÀNG PHƯƠNG NGHI	15/05/2004	Nữ	9/10	6.75	7.25	8	0	36.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142539	1	NGUYỄN SƠN THẢO NGUYỄN	16/04/2004	Nữ	9/10	8	7.25	6.5	0	36.25
23	142561	2	LÊ UYÊN NHI	13/05/2004	Nữ	9/10	8.25	5.5	5	0	32
24	142594	3	NGUYỄN TRẦN PHI NHUNG	20/10/2004	Nữ	9/10	8	4.75	7.5	0	35.75
25	142597	3	NGUYỄN HOÀNG OANH	03/06/2004	Nữ	9/10	6.25	3.5	7.25	0	30.5
26	142673	7	ĐỖ NGUYỄN VINH QUANG	13/08/2004	Nam	9/10	6.5	5.75	8	0	34.75
27	142792	12	NGUYỄN THỊ ANH THU	31/08/2004	Nữ	9/10	5.5	4.25	4.5	0	24.25
28	142826	13	TRẦN HUỖNH TIẾN	27/02/2004	Nam	9/10	6.75	8.75	7.5	0	37.25
29	142837	13	PHẠM MAI TRÂM	14/09/2004	Nữ	9/10	7	8	6.75	0	35.5
30	142908	16	ĐỖ HOÀNG NGŨ UYÊN	09/11/2004	Nữ	9/10	7.25	4	3	0	24.5
31	142911	16	LÊ MINH UYÊN	26/04/2004	Nữ	9/10	5.75	3	2.25	0	19
32	142919	17	NGUYỄN TRẦN KHÁNH VÂN	28/12/2004	Nữ	9/10	8	7	6.75	0	36.5
33	142956	18	NGUYỄN THANH VY	16/01/2004	Nữ	9/10	6.5	3.5	5.5	0	27.5
34	142981	19	VŨ HOÀNG YẾN	28/12/2004	Nữ	9/10	7.25	4	3.5	0	25.5
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142071	1	ĐẶNG NGUYỄN QUỲNH ANH	09/08/2004	Nữ	9/11	7.75	6	5	0	31.5
2	142134	4	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	08/03/2004	Nữ	9/11	8.25	6.75	8.75	0	40.75
3	142160	5	PHẠM NHẬT ĐĂNG	01/11/2004	Nam	9/11	7.25	6	7.25	0	35
4	142202	7	NGUYỄN ANH DUY	10/09/2004	Nam	9/11	7.75	6.25	5.25	0	32.25
5	142278	10	DE LA CRUZ THÁI HÒA	10/03/2004	Nam	9/11	7.75	7.25	7.5	0	37.75
6	142298	11	VÕ THỊ CẨM HƯƠNG	06/11/2004	Nữ	9/11	8	3	4.75	0	28.5
7	142319	12	TRẦN MINH HUY	12/01/2004	Nam	9/11	8.25	8	8	0	40.5
8	142343	13	NGUYỄN SANH PHÚC KHANG	14/11/2004	Nam	9/11	8.5	6.5	5.25	0	34
9	142435	17	VŨ NGỌC PHƯƠNG LINH	09/05/2004	Nữ	9/11	9	3	7.5	0	36
10	142506	20	TRẦN THANH NGÂN	12/12/2004	Nữ	9/11	7.5	4.25	7	0	33.25
11	142531	1	TRẦN HỒNG MINH NGỌC	23/07/2004	Nữ	9/11	7.75	3.25	7.25	0	33.25
12	142549	1	HOÀNG MINH NGUYỆT	14/05/2004	Nữ	9/11	8	5.5	7.25	0	36
13	142550	1	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	12/05/2004	Nữ	9/11	7.25	6.5	7.25	0	35.5
14	142573	2	TRẦN NGỌC UYÊN NHI	29/05/2004	Nữ	9/11	7	8.75	5.5	0	33.75
15	142577	3	VŨ MỘC NHIÊN	10/12/2004	Nữ	9/11	8	8	4.75	0	33.5
16	142650	6	NGUYỄN LÊ TUẤN PHƯƠNG	19/04/2004	Nam	9/11	7.5	6.75	6.75	0	35.25
17	142663	6	HOÀNG NHẬT QUÂN	18/07/2004	Nam	9/11	8	4.25	7.75	0	35.75
18	142684	7	PHẠM THIÊN PHÚ QUÝ	10/07/2004	Nam	9/11	6.5	4.25	5.25	0	27.75
19	142697	8	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG QUỲNH	17/07/2004	Nữ	9/11	8.25	7.5	5.75	0	35.5
20	142713	8	TRẦN NGỌC TÀI	12/01/2004	Nam	9/11	7.75	6	4	0	29.5
21	142754	10	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	17/06/2004	Nữ	9/11	7.5	7	7	0	36

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142755	10	ĐỖ TRỊNH THANH THẢO	22/03/2004	Nữ	9/11	8.75	6.5	8.25	0	40.5
23	142883	15	HỒ TẤN TÚ	07/06/2004	Nam	9/11	6.5	8.25	7	0	35.25
24	142957	18	NGUYỄN THÚY VY	05/04/2004	Nữ	9/11	7.5	6.25	8.5	0	38.25
25	142980	19	TRẦN LÊ HOÀNG YẾN	08/09/2004	Nữ	9/11	8.75	8	8	0	41.5
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142064	1	NGUYỄN TRẦN THIÊN ÂN	09/11/2004	Nữ	9/12	8.75	7.25	7.75	0	40.25
2	142075	2	HOÀNG NGUYỄN BẢO ANH	09/08/2004	Nữ	9/12	8	6	7.25	0	36.5
3	142084	2	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀNG ANH	20/07/2004	Nữ	9/12	7.25	4.25	4.25	0	27.25
4	142092	2	PHẠM TRÚC ANH	15/12/2004	Nữ	9/12	7.25	8.5	8	0	39
5	142176	6	VÕ TRƯỞNG THÀNH ĐẠT	09/04/2004	Nam	9/12	5.75	8	4.75	0	29
6	142251	9	NGUYỄN LÊ VY HẢO	11/04/2004	Nữ	9/12	8.25	6.5	5.25	0	33.5
7	142318	12	TRẦN HOÀNG GIA HUY	25/01/2004	Nam	9/12	6.5	8.25	5	0	31.25
8	142381	14	HUỖNH LÊ TÚ KHUÊ	29/09/2004	Nữ	9/12	7	7.25	7.75	0	36.75
9	142387	15	ĐOÀN TRUNG KIÊN	10/12/2004	Nam	9/12	4.5	7.25	7.25	0	30.75
10	142423	16	NGÔ THÙY LINH	07/04/2004	Nữ	9/12	8.25	7.25	9.25	0	42.25
11	142454	17	ĐỖ TRẦN NGỌC MAI	11/11/2004	Nữ	9/12	7.75	7.5	4.25	0	31.5
12	142458	18	PHẠM KHÁNH MAI	06/02/2004	Nữ	9/12	7.75	7.25	6.25	0	35.25
13	142459	18	PHẠM QUỲNH MAI	09/02/2004	Nữ	9/12	7.75	5.75	4	0	29.25
14	142461	18	ĐOÀN MINH MÃN	15/08/2004	Nam	9/12	8	8.5	7.5	0	39.5
15	142477	18	LÊ NGUYỄN HÀ MY	19/04/2004	Nữ	9/12	7.25	6.5	6.5	0	34
16	142480	19	NGUYỄN HOÀNG UYÊN MY	15/04/2004	Nữ	9/12	8.25	8.5	4.75	0	34.5
17	142521	20	ĐỒNG TRƯỞNG PHƯỚC NGHĨA	17/05/2004	Nam	9/12	7.5	6.75	6.5	0	34.75
18	142609	4	TRẦN PHƯƠNG PHI	04/03/2004	Nam	9/12	7	8.5	4.75	0	32
19	142619	4	HỒ HÙNG PHÚ	24/03/2004	Nam	9/12	7.25	7.75	8.25	0	38.75
20	142620	4	NGUYỄN THIÊN PHÚ	18/05/2004	Nam	9/12	6.5	8	6.5	0	34
21	142627	5	DƯƠNG HOÀNG PHÚC	09/01/2004	Nam	9/12	8.25	8	5.75	0	36

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142639	5	UỠNG NGUYỄN SONG PHÚC	19/10/2004	Nam	9/12	7.25	8.5	5.75	0	34.5
23	142704	8	NGUYỄN QUANG SÁNG	23/07/2004	Nam	9/12	8	6.25	6.75	0	35.75
24	142731	9	VĂN CÔNG THẮNG	05/07/2004	Nam	9/12	8.25	7.75	5.75	0	35.75
25	142791	11	NGUYỄN PHẠM MINH THƯ	25/11/2004	Nữ	9/12	8	9	7.75	0	40.5
26	142796	12	PHAN NGUYỄN ANH THƯ	11/07/2004	Nữ	9/12	8	7.25	7.75	0	38.75
27	142866	15	HOÀNG PHẠM THANH TRÚC	25/08/2004	Nữ	9/12	8	8.25	7.75	0	39.75
28	142881	15	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	06/05/2004	Nam	9/12	7.5	7.5	8.25	0	39
29	142886	15	PHẠM LÊ ANH TÚ	09/03/2004	Nữ	9/12	7.75	6.5	5.5	0	33
30	142918	17	LÊ PHẠM KHÁNH VÂN	14/05/2004	Nữ	9/12	7.25	7.75	8	0	38.25
31	142921	17	TRẦN CAO THANH VÂN	08/08/2004	Nữ	9/12	8	9	7.25	0	39.5
32	142950	18	NGUYỄN HOÀNG BẢO VỸ	23/08/2004	Nữ	9/12	7	7.75	6.75	0	35.25
33	142968	19	LƯU TRỌNG VỸ	16/01/2004	Nam	9/12	6.5	7.25	7.5	0	35.25
34	142969	19	NGUYỄN ANH VỸ	10/09/2004	Nam	9/12	8	6.5	5.75	0	34
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142053	1	NGUYỄN THỤY TÂM AN	01/11/2004	Nữ	9/13	7.75	7	7.5	0	37.5
2	142067	1	VÕ TRƯỞNG HỒNG ÂN	01/06/2004	Nữ	9/13	8.25	6.5	6.25	0	35.5
3	142069	1	PHAN TRUONG ANGELA	08/07/2003	Nữ	9/13	8	8.75	5.25	0	35.25
4	142094	2	TRẦN NGỌC LAN ANH	16/08/2004	Nữ	9/13	6.75	5.25	5.5	0	29.75
5	142097	3	TRẦN QUỐC ANH	28/10/2004	Nam	9/13	6.5	7.75	8.75	0	38.25
6	142161	5	ĐỖ THỂ THÀNH DANH	10/06/2004	Nam	9/13	7.25	7.5	6	0	34
7	142178	6	VÕ NGỌC DIỄM	02/11/2004	Nữ	9/13	8	6	7	0	36
8	142235	8	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	20/02/2004	Nữ	9/13	7	7.25	4.5	0	30.25
9	142248	9	HUỖNH HỮU HẠNH	15/01/2004	Nữ	9/13	6.75	6.5	7	0	34
10	142283	10	NGUYỄN HUY HOÀNG	01/06/2004	Nam	9/13	6.25	8	5.25	0	31
11	142316	12	TRẦN ĐỨC HUY	29/09/2004	Nam	9/13	7	4.5	4.75	0	28
12	142378	14	NGUYỄN MINH KHÔI	03/10/2004	Nam	9/13	6	5.25	4.25	0	25.75
13	142388	15	NGUYỄN TRUNG KIÊN	29/06/2004	Nam	9/13	7	6.25	6	0	32.25
14	142418	16	ĐẶNG NGỌC KHÁNH LINH	01/01/2004	Nữ	9/13	7.5	8.25	6.5	0	36.25
15	142452	17	NGUYỄN ĐOÀN TRÚC LY	25/07/2004	Nữ	9/13	7.75	4.5	5.25	0	30.5
16	142453	17	BÙI NGỌC TUYẾT MAI	25/06/2004	Nữ	9/13	8	6	6.25	0	34.5
17	142484	19	VŨ KHÁNH TRÀ MY	19/10/2004	Nữ	9/13	8.25	6.5	6.5	0	36
18	142608	4	NGUYỄN HOÀNG PHI PHI	10/04/2004	Nữ	9/13	7	3	5	0	27
19	142629	5	KIỀU THIÊN PHÚC	22/09/2004	Nam	9/13	7.75	4.5	4.25	0	28.5
20	142636	5	PHẠM THIÊN PHÚC	12/12/2004	Nam	9/13	8	7.75	5	0	33.75
21	142640	5	NGUYỄN KIM PHỤNG	11/10/2004	Nữ	9/13	7.75	7.25	8	0	38.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142694	7	HOÀNG PHẠM NHƯ QUỲNH	17/06/2004	Nữ	9/13	7.75	8.5	5.75	0	35.5
23	142717	8	TRẦN NGUYỄN THANH TÂM	21/05/2004	Nữ	9/13	8.75	8.25	6.75	0	39.25
24	142784	11	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	02/02/2004	Nữ	9/13	8.25	7	6.75	0	37
25	142838	13	TRẦN THỦY TRÂM	18/01/2004	Nữ	9/13	7	7.75	6.75	0	35.25
26	142843	14	NGUYỄN THU TRANG	18/03/2004	Nữ	9/13	7.25	6	5.5	0	31.5
27	142949	18	NGÔ NHẬT KHÁNH VY	29/09/2003	Nữ	9/13	6.75	4.75	4.75	0	27.75
28	142952	18	NGUYỄN LÊ KHÁNH VY	21/01/2004	Nữ	9/13	7	4.5	8	0	34.5
Tổng cộng có tất cả: 28 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142073	2	ĐỖ LÊ DUY ANH	24/08/2004	Nam	9/14	7.5	6.25	4.75	0	30.75
2	142105	3	TRẦN QUỐC BANG	21/04/2004	Nam	9/14	8.25	7.5	6.5	0	37
3	142163	5	TRẦN BÁ DANH	19/10/2004	Nam	9/14	7.75	6.25	5	0	31.75
4	142183	6	LÊ ĐÌNH KHÁNH ĐOAN	12/09/2004	Nữ	9/14	7.25	7.75	7.5	0	37.25
5	142208	7	TRẦN KHÁNH DUY	20/04/2004	Nam	9/14	6.5	6.75	5	0	29.75
6	142224	8	TRƯƠNG THỂ HẢI	21/12/2004	Nam	9/14	8.5	8.25	6.5	0	38.25
7	142292	11	NGÔ GIA HUỆ	11/01/2004	Nữ	9/14	8	7.5	8.5	0	40.5
8	142301	11	ĐINH LÊ HUY	09/11/2004	Nam	9/14	7.75	7	4.75	0	32
9	142303	11	NGÔ NHẬT HUY	26/05/2004	Nam	9/14	7.75	8.25	5.75	0	35.25
10	142354	13	CAO NGUYỄN TUẤN KHOA	27/03/2004	Nam	9/14	7.25	5	7	0	33.5
11	142397	15	NGUYỄN TUẤN KIỆT	06/02/2004	Nam	9/14	7.75	7.25	7.75	0	38.25
12	142497	19	LỮ TÔ BẢO NGÂN	14/02/2004	Nữ	9/14	7	8.5	6.75	0	36
13	142544	1	THIỆU PHẠM THẢO NGUYỄN	30/07/2004	Nữ	9/14	7	7.75	5.25	0	32.25
14	142559	2	HOÀNG LÊ THẢO NHI	16/01/2004	Nữ	9/14	7.5	8	7.75	0	38.5
15	142637	5	PHẠM VĂN PHÚC	04/01/2004	Nam	9/14	7.5	6	6.5	0	34
16	142643	5	NGUYỄN THANH PHƯỚC	18/01/2004	Nam	9/14	7.25	9.5	7.75	0	39.5
17	142664	6	HUỲNH MINH QUÂN	30/01/2004	Nam	9/14	7.5	5.25	6.5	0	33.25
18	142670	6	TĂNG PHÚC QUÂN	02/12/2004	Nam	9/14	7	9	7.75	1	39.5
19	142685	7	TRẦN MẠNH QUÝ	21/01/2004	Nam	9/14	7.25	7.5	5.75	0	33.5
20	142741	9	VŨ THANH THANH	15/09/2004	Nữ	9/14	7.5	7	5.5	0	33
21	142804	12	NGUYỄN QUANG THUẬN	26/05/2004	Nam	9/14	6.25	9	6.5	0	34.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142858	14	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	19/07/2004	Nữ	9/14	7.5	5.5	6.75	0	34
23	142875	15	ĐOÀN NGỌC TRUNG	17/02/2004	Nam	9/14	7.25	7	6.5	0	34.5
24	142905	16	NGÔ PHƯƠNG TUYỀN	03/02/2004	Nữ	9/14	8	6	6.5	0	35
25	142961	19	PHAN HÀ THẢO VY	20/09/2004	Nữ	9/14	6.25	3	4	0	23.5
26	142970	19	NGUYỄN HÙNG VỸ	20/02/2004	Nam	9/14	7	9.75	8	0	39.75
Tổng cộng có tất cả: 26 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142054	1	NGUYỄN VĂN AN	17/07/2004	Nam	9/15	7.5	9.25	6	0	36.25
2	142060	1	HOÀNG NGỌC KHÁNH ÂN	01/01/2004	Nữ	9/15	8	7.25	5.25	0	33.75
3	142117	3	NGUYỄN VÕ QUỐC BẢO	28/05/2004	Nam	9/15	6.75	9	5.75	0	34
4	142120	4	TRẦN THIÊN BẢO	25/01/2004	Nam	9/15	6.5	8.75	7.25	0	36.25
5	142190	6	LÊ NGUYỄN TẤN DŨNG	15/10/2004	Nam	9/15	6.25	7	6.75	0	33
6	142209	7	VÕ HOÀNG DUY	31/01/2004	Nam	9/15	7.25	9.25	6	0	35.75
7	142258	9	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	01/06/2004	Nữ	9/15	7.5	8	4.5	0	32
8	142286	10	TRẦN MINH HOÀNG	18/09/2004	Nam	9/15	4.5	3.75	2.5	0	17.75
9	142380	14	PHẠM ĐÌNH MINH KHÔI	29/02/2004	Nam	9/15	8	6.25	5.75	0	33.75
10	142383	14	TRẦN ĐÔNG KHUÊ	12/05/2004	Nam	9/15	7.75	9	7.25	0	39
11	142415	16	NGUYỄN HUỲNH THANH LIÊM	07/02/2004	Nam	9/15	6.25	7	4.5	0	28.5
12	142467	18	LÊ BẢO MINH	04/02/2004	Nam	9/15	7	8.75	8.25	0	39.25
13	142526	20	ĐÀM NHƯ NGỌC	14/10/2004	Nữ	9/15	7.5	5.75	5	0	30.75
14	142540	1	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	03/05/2004	Nữ	9/15	6.25	6.5	5	0	29
15	142557	2	NGUYỄN LÊ MINH NHẬT	18/05/2004	Nam	9/15	4.5	5	4.75	0	23.5
16	142570	2	TRẦN ĐẶNG YẾN NHI	17/10/2004	Nữ	9/15	8	7	6.5	0	36
17	142646	5	CHÂU NGỌC UYÊN PHƯƠNG	07/09/2004	Nữ	9/15	7	7.5	6.5	0	34.5
18	142666	6	LÊ NGUYỄN MINH QUÂN	27/05/2004	Nam	9/15	5.5	5.75	5.25	0	27.25
19	142711	8	NGUYỄN VIỆT TÀI	30/07/2004	Nam	9/15	7	7.5	5	0	31.5
20	142730	9	NGUYỄN XUÂN THẮNG	12/01/2004	Nam	9/15	7	6.75	6.75	0	34.25
21	142777	11	GIAN HOÀNG ANH THƯ	02/12/2004	Nữ	9/15	7.25	3.25	3.75	0	25.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142793	12	NGUYỄN THỊ ANH THU	19/11/2004	Nữ	9/15	8	7	8.25	0	39.5
23	142799	12	VÕ TRƯỞNG ĐỨC THUẦN	07/01/2004	Nam	9/15	7.5	7.5	7.75	0	38
24	142808	12	ĐOÀN THỊ THƯƠNG	14/04/2004	Nữ	9/15	7	4	6	0	30
25	142877	15	NGUYỄN HIẾU TRUNG	01/05/2004	Nam	9/15	6.5	7.25	7.25	0	34.75
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142055	1	PHẠM NGUYỄN KHÁNH AN	27/08/2004	Nữ	9/2	5.75	8.25	7.5	0	34.75
2	142063	1	NGUYỄN HỒNG ÂN	15/12/2004	Nữ	9/2	6.75	3.75	6.25	0	29.75
3	142116	3	NGUYỄN VĂN BẢO	18/11/2004	Nam	9/2	6.5	3.75	3.25	0	23.25
4	142144	5	NGUYỄN NGỌC LAN CHI	21/03/2004	Nữ	9/2	7.25	6.25	6	0	32.75
5	142184	6	LÊ THÀNH ĐỨC	11/03/2004	Nam	9/2	5	8.25	6.25	0	30.75
6	142187	6	TRẦN THỊ HỒNG DUNG	06/05/2004	Nữ	9/2	5.5	2.25	2.25	0	17.75
7	142193	7	HỒ LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	30/03/2004	Nữ	9/2	5.75	2.75	3.5	0	21.25
8	142220	8	LÊ HOÀNG TUẤN HẢI	25/10/2004	Nam	9/2	6	6.5	5	0	28.5
9	142305	11	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC HUY	10/08/2004	Nam	9/2	6.5	4.25	5.5	0	28.25
10	142311	11	NGUYỄN PHÚC HUY	25/05/2004	Nam	9/2	7	8.5	8.25	0	39
11	142321	12	TRƯƠNG TRẦN ĐỨC HUY	24/07/2004	Nam	9/2	5.75	7.25	2.5	0	23.75
12	142363	14	NGUYỄN BẢO KHOA	06/02/2004	Nam	9/2	5.5	9	7	0	34
13	142390	15	PHAN HOÀNG KIÊN	29/11/2004	Nam	9/2	4.25	3.25	4.5	0	20.75
14	142455	17	HOÀNG NGỌC MAI	11/12/2004	Nữ	9/2	8	5.5	3	0	27.5
15	142492	19	NGUYỄN THÚY NGÀ	20/09/2004	Nữ	9/2	7	2.75	5.5	0	27.75
16	142525	20	TRẦN VĂN NGHĨA	13/10/2004	Nam	9/2	5.75	3.25	4.5	0	23.75
17	142534	1	ĐỖ THÁI KHÔI NGUYỄN	02/10/2004	Nam	9/2	6.5	8	5.75	0	32.5
18	142587	3	MAI TÂM NHƯ	21/05/2004	Nữ	9/2	7	5.75	6.25	0	32.25
19	142681	7	VÕ TẤN NAM QUỐC	13/05/2004	Nam	9/2	0	0	0	0	0
20	142742	9	DƯƠNG ĐỨC THÀNH	25/06/2004	Nam	9/2	7.25	4.75	6	0	31.25
21	142795	12	NGUYỄN VÕ MINH THƯ	24/04/2004	Nữ	9/2	8.25	6.25	5.5	0	33.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142840	14	HỒ NGỌC BẢO TRÂN	15/11/2004	Nữ	9/2	6.75	7.5	6	0	33
23	142859	14	NGUYỄN PHẠM NGỌC TRINH	21/07/2001	Nữ	9/2	6	4	4.25	0	24.5
24	142871	15	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	11/02/2004	Nữ	9/2	4.5	3	5	0	22
25	142901	16	THÁI KHÁNH TƯỜNG	22/07/2004	Nữ	9/2	6.25	4.25	4.75	0	26.25
26	142909	16	ĐOÀN BẢO PHƯƠNG UYÊN	02/09/2004	Nữ	9/2	5.75	1.25	3	0	18.75
27	142953	18	NGUYỄN MAI NHẬT VY	18/05/2004	Nữ	9/2	7.5	3.5	6	0	30.5
28	142967	19	VŨ TRƯỞNG TƯỜNG VY	16/12/2004	Nữ	9/2	5.75	2.75	3.5	0	21.25
29	142977	19	VŨ HOÀNG DI Ý	23/09/2004	Nữ	9/2	5.5	5	7.5	1	32
Tổng cộng có tất cả: 29 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142059	1	TRƯƠNG HOÀI AN	27/10/2003	Nữ	9/3	7.5	2.5	5	0	27.5
2	142065	1	TRẦN NGỌC THIÊN ÂN	25/12/2003	Nam	9/3	7.25	5	4	0	27.5
3	142083	2	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	17/11/2004	Nữ	9/3	6.75	0.75	1.5	0	17.25
4	142091	2	NGUYỄN VŨ DUY ANH	02/05/2004	Nam	9/3	7.25	5	5.25	0	30
5	142109	3	ĐÀO GIA BẢO	06/07/2004	Nam	9/3	6	3	4.5	0	24
6	142133	4	NGUYỄN LÊ MINH CHÂU	25/02/2004	Nữ	9/3	6.75	7.5	5.5	0	32
7	142154	5	HOR LY KHÁNH ĐAN	09/09/2004	Nữ	9/3	6.75	3.75	3.25	1	24.75
8	142195	7	LÊ VŨ ÁNH DƯƠNG	24/09/2004	Nữ	9/3	7.75	9.5	4.75	0	34.5
9	142207	7	TRẦN ĐÌNH DUY	05/05/2004	Nam	9/3	5.75	2	6	0	25.5
10	142228	8	LẠI QUỲNH BẢO HÂN	24/10/2004	Nữ	9/3	7.25	3.75	4.5	0	27.25
11	142238	8	NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	15/04/2004	Nữ	9/3	6.75	1	4.5	0	23.5
12	142240	9	TRẦN NGỌC HÂN	23/11/2004	Nữ	9/3	7.25	5	7.75	0	35
13	142262	9	LÊ ĐỨC HIẾU	06/05/2004	Nam	9/3	5.25	5.5	5	0	26
14	142265	10	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	11/12/2003	Nam	9/3	5.25	2	5.25	0	23
15	142276	10	TỔNG GIA HOA	18/12/2004	Nam	9/3	6.75	2	3	0	21.5
16	142297	11	TRẦN NGỌC QUỲNH HƯƠNG	13/10/2004	Nữ	9/3	5	2.75	2.75	0	18.25
17	142299	11	CHU GIA HUY	12/10/2004	Nam	9/3	5.5	4	4.25	0	23.5
18	142331	12	NGUYỄN HƯNG KHẢI	10/10/2004	Nam	9/3	7.5	5.25	6.5	0	33.25
19	142353	13	ĐỖ THUY LAM KHÊ	16/01/2004	Nữ	9/3	5.5	3	2.25	0	18.5
20	142398	15	TRẦN PHƯƠNG TUẤN KIỆT	13/08/2004	Nam	9/3	5.5	2	3	0	19
21	142414	16	NGUYỄN ĐỨC LIÊM	20/09/2004	Nam	9/3	5.75	3.25	4	0	22.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142430	16	TỔNG TƯ LINH	27/09/2004	Nữ	9/3	7	5.75	4.25	0	28.25
23	142481	19	NGUYỄN VŨ THẢO MY	01/11/2004	Nữ	9/3	6	6.5	4.25	0	27
24	142509	20	VÕ NGỌC KIM NGÂN	23/02/2004	Nữ	9/3	7.25	5	3.75	0	27
25	142555	2	PHẠM CỬ NHÂN	15/06/2003	Nam	9/3	5.25	3	2.5	0	18.5
26	142644	5	PHẠM AN PHƯỚC	20/09/2004	Nam	9/3	5	3.25	3.75	0	20.75
27	142656	6	NGUYỄN TRÀ UYÊN PHƯƠNG	15/11/2004	Nữ	9/3	6.25	2	3.5	0	21.5
28	142658	6	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG	27/12/2004	Nữ	9/3	7.5	7.5	5	0	32.5
29	142702	8	VŨ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	21/05/2004	Nữ	9/3	7.75	4.5	5.25	0	30.5
30	142737	9	NGUYỄN NGỌC THANH THANH	05/10/2004	Nữ	9/3	7.25	5	5.5	0	30.5
31	142752	10	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	21/07/2004	Nữ	9/3	6.25	6.5	3.75	0	26.5
32	142820	13	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	07/12/2004	Nữ	9/3	7	5	4.75	0	28.5
33	142831	13	LÊ NGUYỄN DUY TÔN	26/07/2004	Nam	9/3	5.5	3.75	4	0	22.75
Tổng cộng có tất cả: 33 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142050	1	LÊ HIẾU AN	22/09/2004	Nữ	9/4	7.25	4.25	4.25	0	27.25
2	142068	1	VŨ QUỲNH ÂN	02/09/2004	Nữ	9/4	7	4.5	3.5	0	25.5
3	142080	2	NGUYỄN HOÀNG BẢO ANH	02/11/2004	Nữ	9/4	7.75	7	7	0	36.5
4	142130	4	PHẠM VŨ HUY CÁT	05/09/2004	Nam	9/4	6.25	5.75	4.75	0	27.75
5	142172	6	PHẠM TIẾN ĐẠT	30/05/2004	Nam	9/4	6	4.5	4	0	24.5
6	142214	7	NGUYỄN HOÀNG GIA	22/05/2004	Nam	9/4	6.75	8.5	4.25	0	30.5
7	142215	7	NGUYỄN SONG QUỲNH GIANG	15/09/2004	Nữ	9/4	7.5	6.5	6	0	33.5
8	142268	10	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/08/2004	Nam	9/4	6.5	6	4.5	0	28
9	142288	11	VŨ MAI NGỌC HOÀNG	28/05/2004	Nam	9/4	7	6.5	5.75	0	32
10	142337	13	LÊ MINH KHANG	22/05/2004	Nam	9/4	5.75	4.25	3.25	0	22.25
11	142346	13	BÙI GIA NHẬT KHANH	18/12/2004	Nữ	9/4	8.25	8	5.75	0	36
12	142351	13	TRẦN NGỌC VÂN KHÁNH	07/02/2004	Nữ	9/4	7.75	4.5	5	0	30
13	142401	15	NGUYỄN NGỌC MỸ KIM	03/12/2004	Nữ	9/4	6.5	6.5	3	0	25.5
14	142528	1	LÊ MINH NGỌC	24/03/2004	Nữ	9/4	6.5	6.5	5.25	0	30
15	142543	1	PHẠM LIÊU ANH NGUYỄN	10/12/2004	Nam	9/4	7.25	5.75	7.25	0	34.75
16	142552	2	LÊ NHÂN	29/05/2004	Nam	9/4	6.25	5.25	6.5	0	30.75
17	142591	3	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	25/08/2004	Nữ	9/4	5.5	4.5	2.75	0	21
18	142624	5	ĐINH MINH PHÚC	11/12/2004	Nam	9/4	7	7	8	0	37
19	142638	5	TRẦN HỮU PHÚC	09/08/2004	Nam	9/4	6.75	4	4.75	0	27
20	142652	6	NGUYỄN NGỌC NAM PHƯƠNG	27/03/2004	Nữ	9/4	7.75	6.25	6	0	33.75
21	142721	9	NGUYỄN NHỰT TÂN	30/08/2004	Nam	9/4	6	3.75	5.25	0	26.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142724	9	BÙI TRỌNG TẤN	10/08/2004	Nam	9/4	6.25	8.5	4.5	0	30
23	142815	12	HOÀNG NGỌC MINH THY	27/04/2004	Nữ	9/4	6.75	7.25	4.5	0	29.75
24	142876	15	LÂM MINH TRUNG	05/09/2004	Nam	9/4	6.5	5.75	5.25	0	29.25
25	142880	15	VŨ LÊ MINH TRUNG	17/02/2004	Nam	9/4	6.25	5.75	2.5	0	23.25
26	142913	17	LÊ PHƯƠNG UYÊN	14/10/2004	Nữ	9/4	6.25	5	3.25	0	24
27	142942	18	TRẦN NGUYỆT VŨ	01/01/2004	Nữ	9/4	7.25	6	6.75	0	34
Tổng cộng có tất cả: 27 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142052	1	NGUYỄN QUỲNH AN	15/10/2004	Nữ	9/5	7	4.25	4.25	0	26.75
2	142098	3	VŨ PHẠM VÂN ANH	26/11/2004	Nữ	9/5	7.5	1.5	4	0	24.5
3	142119	3	PHAN NGÔ THIÊN BẢO	28/06/2004	Nam	9/5	6.25	4	4.25	0	25
4	142125	4	NGUYỄN VÕ HƯNG BÌNH	13/10/2004	Nam	9/5	6.25	2.5	2	0	19
5	142132	4	BÙI NGỌC CHÂU	27/12/2004	Nữ	9/5	6.25	3.5	2	0	20
6	142197	7	VŨ THỊ ÁNH DƯƠNG	16/06/2004	Nữ	9/5	5	9.25	6	0	31.25
7	142198	7	ĐỖ TRƯỜNG DUY	12/03/2004	Nam	9/5	5.25	3.75	7	0	28.25
8	142310	11	NGUYỄN MINH HUY	04/11/2004	Nam	9/5	6.75	3.25	2.75	0	22.25
9	142330	12	LÊ HUỲNH KHẢI	17/03/2004	Nam	9/5	6.5	8	3.5	0	28
10	142342	13	NGUYỄN PHÚC KHANG	04/12/2004	Nam	9/5	7	6.25	7.25	0	34.75
11	142349	13	NGÔ QUAN LAN KHANH	19/07/2004	Nữ	9/5	8.25	7.5	6.25	0	36.5
12	142352	13	VŨ QUỐC KHÁNH	02/09/2004	Nam	9/5	7.75	7.25	5.25	0	33.25
13	142379	14	NGUYỄN VŨ MINH KHÔI	09/09/2004	Nam	9/5	6.5	5.75	7.5	0	33.75
14	142400	15	LÊ ĐỨC THANH KIM	17/08/2004	Nam	9/5	8	6.75	8.5	0	39.75
15	142448	17	VÕ PHI LONG	31/10/2004	Nam	9/5	6.5	4.75	4.5	0	26.75
16	142530	1	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	27/11/2004	Nữ	9/5	7.25	5	4.75	0	29
17	142535	1	LÊ THANH NGUYỄN	08/06/2004	Nam	9/5	6.75	3.25	6	0	28.75
18	142592	3	VŨ TÂM NHƯ	02/02/2004	Nữ	9/5	8	6.25	7.5	0	37.25
19	142655	6	NGUYỄN THU PHƯƠNG	01/04/2004	Nữ	9/5	7.25	3.75	3.75	0	25.75
20	142705	8	NGUYỄN QUỐC SĨ	08/10/2004	Nam	9/5	7.25	7.5	3.75	0	29.5
21	142715	8	NGUYỄN THỊ BĂNG TÂM	09/03/2004	Nữ	9/5	6.5	3.75	4.25	0	25.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142729	9	NGUYỄN VIỆT THẮNG	12/10/2004	Nam	9/5	5.75	3.75	4.5	0	24.25
23	142738	9	PHẠM ĐAN THANH	16/04/2004	Nữ	9/5	6.25	4.5	3	0	23
24	142746	10	NGUYỄN TẤN THÀNH	11/09/2004	Nam	9/5	6.5	3.25	6	0	28.25
25	142751	10	BÙI THỤY PHƯƠNG THẢO	26/10/2004	Nữ	9/5	7.25	6.25	5.25	0	31.25
26	142797	12	TRẦN HOÀNG ANH THƯ	22/11/2003	Nữ	9/5	7	3.25	5	0	27.25
27	142873	15	PHẠM NGUYỄN LAM TRÚC	02/12/2004	Nữ	9/5	8.5	8.75	8	0	41.75
28	142882	15	PHAN HUY TRƯỜNG	20/03/2004	Nam	9/5	6.25	5	4.5	0	26.5
29	142917	17	ĐẶNG ĐÀO THÙY VÂN	27/09/2004	Nữ	9/5	6.5	5	2.5	0	23
30	142931	17	TRẦN QUANG VIỆT	10/01/2004	Nam	9/5	6.25	3.75	5.25	0	26.75
31	142951	18	NGUYỄN HOÀNG VY VY	12/04/2004	Nữ	9/5	7.5	4.5	4.25	0	28
32	142976	19	NGUYỄN HOÀNG NHƯ Ý	29/03/2004	Nữ	9/5	6.5	2.75	3	0	21.75
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142115	3	NGUYỄN QUỐC BẢO	10/02/2004	Nam	9/6	5.25	4.25	3.25	0	21.25
2	142162	5	NGUYỄN THÀNH DANH	22/12/2004	Nam	9/6	6	1.5	4.5	0	22.5
3	142179	6	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	15/09/2004	Nữ	9/6	6	4.25	4.25	0	24.75
4	142206	7	TRẦN BẢO DUY	03/01/2004	Nam	9/6	6.5	6.75	3.5	0	26.75
5	142226	8	HUỖNH GIA HÂN	12/05/2004	Nữ	9/6	7.25	5.5	3.5	0	27
6	142249	9	TRẦN HÀO	25/05/2004	Nam	9/6	7.75	7.75	7.75	0	38.75
7	142263	9	LƯƠNG CHÍ HIẾU	27/12/2004	Nam	9/6	5	2.5	6.75	0	26
8	142290	11	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	06/07/2004	Nữ	9/6	6	3.75	4.75	0	25.25
9	142315	12	TRẦN ĐỨC HUY	15/05/2004	Nam	9/6	4.5	2.5	4.75	0	21
10	142345	13	TRẦN VƯƠNG KHANG	31/08/2004	Nam	9/6	7.75	5	6.5	1	34.5
11	142412	16	PHẠM CHÂU ÁI LAN	04/11/2004	Nữ	9/6	6.5	6.5	5.75	0	31
12	142417	16	BÙI THY NHẬT LINH	06/11/2004	Nữ	9/6	6.75	6.75	4	0	28.25
13	142447	17	TRẦN VŨ PHI LONG	20/01/2004	Nam	9/6	7.5	5.25	8	0	36.25
14	142465	18	ĐOÀN TUẤN MINH	28/10/2004	Nam	9/6	7.25	5.5	6.75	0	33.5
15	142476	18	DƯƠNG THỊ TUYẾT MY	23/08/2004	Nữ	9/6	7	3	3.25	0	23.5
16	142507	20	TRẦN VŨ HOÀI NGÂN	25/05/2004	Nữ	9/6	6.75	2	6	0	27.5
17	142626	5	ĐOÀN NGỌC HOÀNG PHÚC	19/06/2003	Nam	9/6	6	3	4	0	23
18	142628	5	KHUẤT DUY THIÊN PHÚC	01/09/2004	Nam	9/6	5.5	4.75	5	0	25.75
19	142642	5	HÀ VĂN HOÀNG PHƯỚC	11/11/2004	Nam	9/6	7	1.75	3.5	0	22.75
20	142649	6	NGUYỄN HOÀNG TRÚC PHƯƠNG	19/08/2004	Nữ	9/6	7.5	6.5	3.75	0	29
21	142678	7	VŨ NGUYỄN ĐĂNG QUANG	22/08/2004	Nam	9/6	5.25	1.5	2.25	0	16.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142683	7	PHẠM PHÚ QUÝ	03/12/2004	Nam	9/6	7	3.75	6	0	29.75
23	142689	7	NGUYỄN NGỌC QUYÊN	11/05/2004	Nữ	9/6	7.25	6.5	8.5	0	38
24	142747	10	NGUYỄN VĂN THÀNH	26/08/2004	Nam	9/6	6.5	3.75	6.25	0	29.25
25	142759	10	NGUYỄN VƯƠNG HOÀNG THI	18/12/2004	Nữ	9/6	0	0	0	0	0
26	142767	10	TRẦN TIẾN THỊNH	23/08/2004	Nam	9/6	6.5	3.75	5	0	26.75
27	142787	11	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	23/08/2004	Nữ	9/6	6.5	6.75	5.5	0	30.75
28	142805	12	TẮT HUỖNH HỮU THUẬN	11/02/2004	Nam	9/6	5.5	4	6.75	0	28.5
29	142830	13	PHẠM THANH TOÀN	08/10/2004	Nam	9/6	6	8.75	7.25	0	35.25
30	142842	14	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRANG	25/06/2004	Nữ	9/6	6	2.5	4.25	0	23
31	142885	15	LÊ ANH TÚ	05/06/2004	Nam	9/6	7.5	6	5.75	0	32.5
32	142906	16	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	11/01/2004	Nữ	9/6	8	4.25	4.5	0	29.25
33	142946	18	ĐÀO BY VY	28/09/2004	Nữ	9/6	7.25	4	4.5	1	28.5
34	142966	19	TRẦN THỊ HỒNG VY	04/07/2004	Nữ	9/6	6	4.5	4.5	0	25.5
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142138	4	TRẦN MINH CHÂU	29/04/2004	Nữ	9/7	7	3.5	5.25	0	28
2	142166	5	HUỖNH PHƯỚC ĐẠT	01/07/2004	Nam	9/7	8.25	5.5	6.25	0	34.5
3	142177	6	VŨ TIẾN ĐẠT	14/07/2004	Nam	9/7	5.75	2.25	4.75	0	23.25
4	142196	7	PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	07/02/2004	Nam	9/7	6	9.75	4.5	0	30.75
5	142242	9	VŨ NGUYỄN NGỌC HÂN	25/02/2004	Nữ	9/7	8.25	7.5	7.5	0	39
6	142245	9	NGUYỄN NGỌC THANH HẰNG	13/12/2004	Nữ	9/7	7.75	5	6	0	32.5
7	142296	11	NGUYỄN PHAN QUỲNH HƯƠNG	06/09/2004	Nữ	9/7	7	3.75	5.25	0	28.25
8	142320	12	TRỊNH GIA HUY	06/09/2004	Nam	9/7	6.25	3.5	5.25	0	26.5
9	142329	12	ĐỖ QUANG KHẢI	17/12/2004	Nam	9/7	6.25	2.5	3.75	0	22.5
10	142332	12	NGUYỄN QUANG KHẢI	04/11/2004	Nam	9/7	8	6.25	4	0	30.25
11	142360	14	NGÔ ĐÌNH ANH KHOA	25/11/2004	Nam	9/7	7.25	6.75	4.75	0	30.75
12	142411	16	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	27/12/2004	Nữ	9/7	8	7	7.25	0	37.5
13	142424	16	NGUYỄN DIỆU LINH	26/02/2004	Nữ	9/7	7.5	4.25	4.5	0	28.25
14	142443	17	NGUYỄN PHI LONG	18/12/2004	Nam	9/7	6.75	4.5	7.25	0	32.5
15	142466	18	HUỖNH QUANG MINH	19/09/2004	Nam	9/7	7	3.25	6.25	0	29.75
16	142500	19	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NGÂN	29/09/2004	Nữ	9/7	6.25	4	4.75	0	26
17	142519	20	VÕ TRÚC NGHI	16/01/2004	Nữ	9/7	8.5	3.25	4.5	0	29.25
18	142565	2	NGUYỄN HỒNG THUỶ NHI	06/09/2004	Nữ	9/7	7	2.75	2.5	0	21.75
19	142606	4	VŨ HÙNG PHÁT	16/09/2004	Nam	9/7	7	4.25	3.25	0	24.75
20	142635	5	PHẠM HOÀNG PHÚC	12/08/2004	Nam	9/7	7.75	5	6.75	0	34
21	142686	7	VŨ HÙNG QUÝ	25/03/2004	Nam	9/7	7.25	6	6.75	0	34

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142709	8	ĐÈO TRẦN MINH TÀI	01/09/2004	Nam	9/7	7.75	5.75	4.5	0	30.25
23	142728	9	NGUYỄN TẤN QUYẾT THẮNG	13/01/2004	Nam	9/7	6.75	5	5	0	28.5
24	142744	10	NGÔ CÔNG THÀNH	08/12/2004	Nam	9/7	7.5	7	6.25	0	34.5
25	142758	10	TẠ NGỌC THANH THẢO	22/11/2004	Nữ	9/7	5	5.5	4	0	23.5
26	142765	10	NGUYỄN HƯNG THỊNH	14/04/2004	Nam	9/7	7	7.75	8.5	0	38.75
27	142773	11	NGUYỄN TRÍ THÔNG	21/04/2004	Nam	9/7	5.75	2.75	2.5	0	19.25
28	142785	11	NGUYỄN HUỖNH ANH THU'	11/03/2004	Nữ	9/7	7.5	2.75	5.5	0	28.75
29	142846	14	PHAN NGỌC ĐOAN TRANG	10/09/2003	Nữ	9/7	6.5	2.5	1	0	17.5
30	142855	14	NGUYỄN CAO MINH TRINH	01/05/2004	Nữ	9/7	6.75	2.75	5.75	0	27.75
31	142865	15	VÕ LÊ MINH TRỌNG	27/11/2004	Nam	9/7	6.75	4.25	3.25	0	24.25
32	142900	16	MAI LÊ CÁT TƯỜNG	13/08/2004	Nữ	9/7	7	8.5	8.25	0	39
33	142962	19	PHAN NGUYỄN THANH VY	21/01/2004	Nữ	9/7	5.75	3.75	4.5	0	24.25
34	142978	19	LÊ THỊ KIM YẾN	26/09/2004	Nữ	9/7	5	2	1.5	0	15
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142122	4	BÙI NGỌC BÍCH	27/12/2004	Nữ	9/8	5.75	2.25	2.25	0	18.25
2	142156	5	NGUYỄN VÕ MINH ĐAN	19/01/2004	Nam	9/8	7.25	3.75	3.25	0	24.75
3	142175	6	VÕ TẤN ĐẠT	01/10/2004	Nam	9/8	6.25	4	5.25	0	27
4	142284	10	NGUYỄN THANH HOÀNG	27/12/2004	Nam	9/8	7.25	7.75	6.75	0	35.75
5	142327	12	LÊ NGUYỄN NHẬT KHA	02/12/2004	Nam	9/8	5.5	2.25	3	0	19.25
6	142335	12	DƯƠNG TRỊNH DUY KHANG	24/05/2004	Nam	9/8	6.5	2	3.25	0	21.5
7	142348	13	HOÀNG MAI KHANH	15/01/2004	Nữ	9/8	6.75	5	4.75	0	28
8	142391	15	ĐINH GIA KIẾT	06/11/2004	Nam	9/8	6	7	5.5	0	30
9	142402	15	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	22/07/2004	Nữ	9/8	7	5.5	4.5	0	28.5
10	142403	15	HUỲNH THƠ KỶ	26/03/2004	Nữ	9/8	5.5	3.5	5.75	1	27
11	142432	17	TRẦN NGUYỄN KHÁNH LINH	17/01/2004	Nữ	9/8	8.75	5.25	5.5	0	33.75
12	142436	17	NGUYỄN KIỀU LOAN	10/07/2004	Nữ	9/8	8.75	8.25	5.5	0	36.75
13	142451	17	ĐỖ THANH LUẬN	15/08/2004	Nam	9/8	7	6.75	5	0	30.75
14	142456	18	NGUYỄN PHAN QUỲNH MAI	19/08/2004	Nữ	9/8	6.75	3.25	3	0	22.75
15	142470	18	NGUYỄN HUỲNH NHẬT MINH	04/09/2004	Nam	9/8	6.75	6	5	0	29.5
16	142546	1	TRẦN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	13/10/2004	Nữ	9/8	6.75	3.75	5	0	27.25
17	142560	2	HUỲNH YẾN NHI	23/03/2004	Nữ	9/8	5.25	1.75	3	0	18.25
18	142593	3	VŨ TRẦN NGỌC NHƯ	28/12/2004	Nữ	9/8	5	2.25	1.5	0	15.25
19	142625	5	ĐỖ THIÊN PHÚC	23/11/2004	Nam	9/8	5.5	4.75	5.25	0	26.25
20	142714	8	ĐÀO HOÀNG MINH TÂM	17/06/2004	Nam	9/8	6.5	6.25	6	0	31.25
21	142757	10	MAI NGỌC KIM THẢO	23/03/2004	Nữ	9/8	7	2.75	3.5	0	23.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142775	11	TRỊNH NGUYỄN MINH THÔNG	13/06/2004	Nam	9/8	4.5	5	4.5	0	23
23	142790	11	NGUYỄN NGỌC ANH THU	28/10/2004	Nữ	9/8	8.25	4.5	7	0	35
24	142809	12	HOÀNG NGỌC MINH THÚY	26/12/2004	Nữ	9/8	6.5	1.5	4.75	0	24
25	142827	13	ĐỖ TRẦN BẢO TÍN	20/10/2004	Nam	9/8	7	1.5	1.25	1	19
26	142839	13	ĐÀM PHƯƠNG BẢO TRÂN	20/03/2004	Nữ	9/8	7.25	6	6.25	0	33
27	142852	14	PHẠM MINH TRÍ	28/05/2004	Nam	9/8	7	4.25	5	0	28.25
28	142857	14	NGUYỄN NGỌC BẢO TRINH	13/12/2004	Nữ	9/8	7.25	5	6.75	0	33
29	142878	15	PHAN THIẾT TRUNG	09/08/2004	Nam	9/8	6.5	7	5	0	30
30	142899	16	LÊ MẠNH TƯỜNG	21/09/2004	Nam	9/8	5.75	4	6.5	0	28.5
31	142904	16	LÂM THANH TUYỀN	15/09/2004	Nữ	9/8	7.75	7	5.75	0	34
32	142915	17	PHẠM HUỖNH PHƯƠNG UYÊN	13/01/2004	Nữ	9/8	8	7.5	5.5	0	34.5
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	142070	1	CHUNG QUÍ ANH	10/09/2004	Nữ	9/9	6.75	2.25	2.5	1	21.75
2	142077	2	NGUYỄN ĐOÀN ĐAN ANH	15/03/2004	Nữ	9/9	8.5	6.5	2.25	0	28
3	142143	4	NGUYỄN LÊ TUỆ CHI	14/07/2004	Nữ	9/9	7	3.25	4	0	25.25
4	142153	5	TÙ MINH KIÊN CƯỜNG	01/12/2004	Nam	9/9	0	0	0	1	1
5	142158	5	ĐÌNH KHÁNH ĐANG	21/04/2004	Nam	9/9	8.5	8	6.25	0	37.5
6	142167	5	HUỲNH TRẦN TIẾN ĐẠT	26/06/2004	Nam	9/9	7	6.25	3.5	0	27.25
7	142181	6	KHÔNG BẢO DINH	20/07/2004	Nữ	9/9	7.5	7.5	5.75	1	35
8	142225	8	HOÀNG BẢO HÂN	31/10/2004	Nữ	9/9	4.75	2.75	4.25	0	20.75
9	142336	13	LÊ HOÀNG PHÚC KHANG	30/01/2004	Nam	9/9	6.75	4.25	3.25	0	24.25
10	142445	17	PHAN THÀNH LONG	07/08/2003	Nam	9/9	5.75	4	3.25	0	22
11	142503	19	NGUYỄN THU NGÂN	06/03/2004	Nữ	9/9	7.5	6	5.25	0	31.5
12	142538	1	NGUYỄN PHAN HOÀNG NGUYỄN	05/03/2004	Nam	9/9	6.25	6.25	2.25	0	23.25
13	142567	2	NGUYỄN YẾN NHI	17/10/2004	Nữ	9/9	8	6	4.5	0	31
14	142572	2	TRẦN NGỌC THẢO NHI	01/01/2004	Nữ	9/9	7	5.25	4.5	0	28.25
15	142634	5	NGUYỄN VŨ THIÊN PHÚC	18/05/2004	Nam	9/9	6.75	9	6.75	0	36
16	142692	7	PHẠM THÚY THỰC QUYÊN	04/05/2004	Nữ	9/9	7.75	5.75	5.25	0	31.75
17	142693	7	TRẦN LÊ PHƯƠNG QUYÊN	15/03/2004	Nữ	9/9	6.5	1.5	3.75	0	22
18	142710	8	HUỲNH ANH TÀI	14/04/2004	Nam	9/9	7	6.75	5.25	0	31.25
19	142720	9	LÊ ĐẶNG MINH TÂN	24/02/2004	Nam	9/9	6.5	6.25	4.5	0	28.25
20	142733	9	ĐIỀN THANH THANH	25/12/2004	Nữ	9/9	6.5	4	5	0	27
21	142740	9	VÕ NGỌC LAN THANH	16/05/2004	Nữ	9/9	6.75	5.25	6.25	0	31.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TÂN BÌNH

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	142762	10	NGUYỄN XUÂN THIÊN	24/11/2004	Nam	9/9	5.75	2.75	4.25	0	22.75
23	142766	10	NGUYỄN TUẤN THỊNH	12/11/2004	Nam	9/9	7.25	6.5	5.75	0	32.5
24	142800	12	BÙI QUANG THUẬN	03/11/2004	Nam	9/9	6.75	5.5	4.75	0	28.5
25	142801	12	ĐÀM XUÂN THUẬN	13/11/2004	Nam	9/9	7.25	9	4.25	0	32
26	142889	16	ĐINH LẠC TUẤN	01/03/2004	Nam	9/9	7	5.25	3.75	0	26.75
27	142924	17	LÊ NGỌC THẢO VI	19/10/2004	Nữ	9/9	0	0	0	0	0
28	142937	18	THÁI QUANG VINH	07/03/2004	Nam	9/9	8	7	7.5	1	39
29	142940	18	NGUYỄN HOÀNG VŨ	01/06/2004	Nam	9/9	6.75	5.5	4	0	27
30	142941	18	TRẦN KIM VŨ	08/03/2004	Nam	9/9	6.5	2.75	3.25	0	22.25
31	142971	19	NGUYỄN NAM VỸ	23/09/2004	Nam	9/9	6.75	6.75	3.5	0	27.25
32	142972	19	PHẠM NHỰT VỸ	02/03/2004	Nam	9/9	7	9	4.75	0	32.5
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

